BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1005/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành "Hướng dẫn phát triển quan hệ đối tác Hải quan – Doanh nghiệp"

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 của Quốc hội khóa 10 về Hải quan; Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khóa 11 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định 448/QĐ-TTg ngày 25/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định 1514/QĐ-BTC ngày 22/6/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành hải quan giai đoạn 2011- 2015;

Thực hiện Quyết định số 3338/QĐ-TCHQ ngày 07/10/2013 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành Kế hoạch phát triển quan hệ đối tác Hải quan – Doanh nghiệp giai đoạn 2013 – 2015;

Xét đề nghị của Ban Cải cách hiện đại hoá hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn phát triển quan hệ đối tác Hải quan – Doanh nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan; Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thứ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn (để b/c);
- Lãnh đạo TCHQ (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, CCHĐH (5b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Vũ Ngọc Anh

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN PHÁT TRIỂN QUAN HỆ ĐỐI TÁC HẢI QUAN – DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm Quyết định số 1005/QĐ-TCHQ ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Phần A. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng và phát triển quan hệ đối tác giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu (bao gồm các công ty cung ứng, công ty giao nhận, các hãng vận tải, ngân hàng, các doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cầu cảng, đại lý làm thủ tục hải quan), các hiệp hội doanh nghiệp, sau đây gọi tắt là quan hệ đối tác hải quan – doanh nghiệp; trách nhiệm của cơ quan hải quan và công chức hải quan trong việc phát triển quan hệ đối tác giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp để thực hiện chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020.

2. Hướng dẫn này được áp dụng trong nội bộ ngành Hải quan và không thay thế cho các quy định, quy chế làm việc và giải quyết công việc hành chính của cơ quan hải quan, của doanh nghiệp hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực hải quan.

II. Nguyên tắc thực hiện quan hệ đối tác

1. Quan hệ đối tác hải quan – doanh nghiệp là hoạt động hợp tác giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp để cùng thực hiện tốt các quy định của pháp luật liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và tăng cường quản lý nhà nước về hải quan, góp phần nâng cao chất lượng "Tuyên ngôn phục vụ khách hàng" của ngành Hải quan, xây dựng hình ảnh lực lượng Hải quan "Chuyên nghiệp – Minh bạch – Hiệu quả".

2. Quan hệ đối tác hải quan – doanh nghiệp là công việc thường xuyên của cơ quan hải quan các cấp trong việc thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan.

3. Việc thực hiện quan hệ đối tác hải quan – doanh nghiệp phải bảo đảm nguyên tắc chủ động, công khai, tự nguyện, trên tinh thần hợp tác cùng có lợi, hiệu quả, thiết thực và tuân thủ các quy định đã cam kết. Quan hệ đối tác hải

quan – doanh nghiệp được xây dựng, phát triển và duy trì dựa trên cơ sở sự tin cậy, minh bạch và nhất quán. Các bên chia sẻ và hướng tới cùng nhau giải quyết các vấn đề và thách thức đặt ra cho mỗi bên để tạo ra mối quan hệ đối tác bền vững, lâu dài.

4. Căn cứ nhu cầu thực tế, tính chất và nội dung quan hệ đối tác, cơ quan hải quan các cấp lựa chọn các mối quan hệ, loại và hình thức đối tác phù hợp để thiết lập và thực hiện quan hệ đối tác.

5. Trong phạm vi, thẩm quyền của mình, cơ quan hải quan các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để các đối tác thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khi trở thành đối tác của cơ quan hải quan.

III. Phân loại đối tác

Quan hệ đối tác hải quan – doanh nghiệp được phân làm hai loại cơ bản: đối tác thường xuyên và đối tác có điều kiện.

PHẦN B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. Đối tác thường xuyên

1. Khái niệm

Quan hệ đối tác thường xuyên là việc cơ quan hải quan và doanh nghiệp cùng hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và tin cậy lẫn nhau nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hải quan và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

2. Đối tượng đối tác

Đối tượng thiết lập quan hệ đối tác thường xuyên là: doanh nghiệp xuất nhập khẩu; doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu; hiệp hội doanh nghiệp.

3. Nội dung đối tác

Quan hệ đối tác thường xuyên được thiết lập để hỗ trợ cơ quan hải quan thực hiện các công việc: (i) xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, quy chế, quy trình thủ tục hải quan; (ii) dự báo thu ngân sách nhà nước; (iii) phòng chống vi phạm pháp luật hải quan; (iv) nâng cao tính liêm chính, đạo đức nghề nghiệp của công chức hải quan; (v) thực hiện có hiệu quả các chương trình cải cách, hiện đại hóa hải quan; (vi) tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách pháp luật về hải quan, thực hiện nghĩa vụ thuế và tài chính có liên quan đối với Nhà nước.

4. Lợi ích chủ yếu

- Đối với cơ quan hải quan, việc thiết lập quan hệ đối tác thường xuyên với doanh nghiệp sẽ đem lại những lợi ích sau:

+ Xây dựng chính sách và quy định pháp luật sẽ sát với thực tiễn và tập quán thương mại, kinh doanh, sản xuất và phương thức quản lý của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp;

+ Nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính ổn định, bền vững, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện;

+ Tạo ra sự đồng thuận trong cộng đồng doanh nghiệp về các chính sách, quy định pháp luật sau khi được ban hành;

+ Nâng cao hiệu quả công tác dự báo thu ngân sách nhà nước;

+ Thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác các chính sách, quy định pháp luật về hải quan đến đúng đối tượng, phát huy tác dụng giáo dục, hỗ trợ doanh nghiệp thực thi đúng quy định pháp luật, hạn chế các thiếu sót, vi phạm pháp luật hải quan;

+ Cải thiện năng lực và nâng cao hiệu quả kiểm soát, tối ưu hóa nguồn lực và tiết kiệm chi phí kiểm soát; Kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật hải quan;

+ Minh bạch hóa hoạt động hải quan, hạn chế các hiện tượng tiêu cực, cải thiện chất lượng phục vụ, nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế của cơ quan hải quan;

+ Huy động các nguồn lực cần thiết để thực hiện các sáng kiến cải cách hiện đại hóa hải quan.

- Đối với doanh nghiệp, việc trở thành đối tác thường xuyên với cơ quan hải quan sẽ đem lại những lợi ích sau:

+ Tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào quá trình hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, và cải cách hiện đại hóa hải quan;

+ Thực hiện đúng chính sách, quy định pháp luật nhà nước, hạn chế lỗi, sai sót mắc phải khi làm thủ tục hải quan;

+ Minh bạch hóa môi trường kinh doanh, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp;

+ Hạn chế rủi ro, giảm gánh nặng chi phí khi thực hiện thủ tục hải quan;

+ Tiếp cận các dịch vụ tối ưu từ cơ quan hải quan thông qua việc hỗ trợ và thúc đẩy áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại trong cơ quan hải quan;

+ Nâng cao uy tín trên thương trường và trước các bạn hàng.

5. Điều kiện thực hiện đối tác

- Các bên tham gia đối tác thường xuyên phải ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác. Văn bản thỏa thuận hợp tác lập trên cơ sở đồng thuận giữa các bên và được cấp có thẩm quyền mỗi bên phê duyệt.

- Đối với cơ quan hải quan, văn bản thỏa thuận phải trình Tổng cục xem xét quyết định và chỉ định cấp có thẩm quyền ký. Đối với nội dung thỏa thuận có phạm vi áp dụng toàn ngành, văn bản thỏa thuận sẽ do Tổng cục trưởng ký với các bên tham gia đối tác. Đối với nội dung thỏa thuận có phạm vi áp dụng trên địa bàn của một Cục Hải quan tỉnh/thành phố văn bản thỏa thuận sẽ do Cục trưởng ký. Trường hợp nội dung đối tác có tác động, ảnh hưởng lớn vượt ngoài thẩm quyền của cơ quan hải quan, Tổng cục Hải quan sẽ báo cáo Bộ Tài chính xem xét quyết định.

- Đối với doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu, để trở thành đối tác của cơ quan hải quan, doanh nghiệp phải tự chứng minh có tối thiểu hai năm liên tiếp, tính đến thời điểm ký văn bản thỏa thuận hợp tác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, không vi phạm pháp luật, không tham gia và tiếp tay cho hoạt động buôn lậu. Trường hợp doanh nghiệp bị phát hiện không đáp ứng các điều kiện trên hoặc trong thời gian trở thành đối tác của cơ quan hải quan mà bị phát hiện vi phạm pháp luật, trốn thuế, gian lận thuế, cơ quan hải quan đơn phương đình chỉ quan hệ đối tác với doanh nghiệp. Điều kiện trên sẽ được đưa vào văn bản thỏa thuận hợp tác giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp.

Riêng đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cơ quan hải quan ưu tiên thiết lập quan hệ đối tác với các doanh nghiệp nằm trong nhóm doanh nghiệp có số thuế xuất nhập khẩu của năm liền kề chiếm 80% tổng số thuế nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý của các Cục Hải quan tỉnh/thành phố.

- Đối với hiệp hội doanh nghiệp: để trở thành đối tác của cơ quan hải quan, hiệp hội doanh nghiệp phải có tư cách pháp nhân, thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam.

6. Hình thức thực hiện đối tác

Quan hệ đối tác thường xuyên thực hiện dưới nhiều hình thức. Tùy theo yêu cầu của từng giai đoạn phát triển, cơ quan hải quan lựa chọn hình thức đối tác phù hợp. Trong giai đoạn thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan đến 2020, Tổng cục Hải quan lựa chọn các hình thức đối tác thường xuyên sau:

6.1. Chương trình đối tác chuyên đề

Chương trình đối tác chuyên đề được thiết lập để thực hiện một nội dung hợp tác cụ thể. Đối tác tham gia là doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu, hiệp hội doanh nghiệp. Chương trình đối tác chuyên đề thực hiện ở cấp Tổng cục hoặc cấp Cục tùy thuộc vào nội dung, quy mô, phạm vi thực hiện. Tại cấp trung ương, Tổng cục sẽ chỉ định một đơn vị nghiệp vụ làm đầu mối nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai. Tại địa phương, các Cục Hải quan tỉnh/thành phố sẽ chỉ định một phòng nghiệp vụ hoặc một chi cục làm đầu mối nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thực hiện.

Chương trình huy động nguồn lực của cơ quan hải quan và của doanh nghiệp đối tác.

Ví dụ: Chương trình đối tác với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ cảng hỗ trợ làm thủ tục hải quan cho doanh nghiệp có hàng hóa xuất nhập tại cảng; Chương trình đối tác với doanh nghiệp quản lý khu công nghiệp hỗ trợ quản lý doanh nghiệp và giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại khu công nghiệp; Chương trình đối tác với các thương hiệu lớn về trao đổi thông tin và phối hợp chống hàng giả, hàng nhái.

6.2. Chương trình hành động

Chương trình hành động được lập để phát động phong trào thực hiện một nhiệm vụ chính trị cụ thể tại từng giai đoạn nhất định. Chương trình hành động do Tổng cục hoặc các Cục Hải quan tỉnh/thành phố phát động tổ chức. Đối tác tham gia là doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu, hiệp hội doanh nghiệp. Chương trình huy động nguồn lực của cơ quan hải quan và của doanh nghiệp đối tác.

Ví dụ: Chương trình hành động chống buôn lậu và gian lận thương mại vào các tháng giáp Tết nguyên đán. Các doanh nghiệp tham gia ký kết cam kết với cơ quan hải quan không tham gia và tiếp tay cho các hành vi buôn lậu và gian lận thương mại, chủ động áp dụng các biện pháp an ninh và thông tin về các dấu hiệu vi phạm cho cơ quan hải quan.

6.3. Nhóm công tác hải quan – doanh nghiệp

Nhóm công tác được thành lập để thúc đẩy trao đổi thông tin, tham vấn, thảo luận giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp về xây dựng chính sách, pháp luật; quy trình thủ tục hải quan; đề xuất các sáng kiến cải cách hiện đại hóa hải quan; là kênh phổ biến thông tin đến cộng đồng doanh nghiệp và tiếp nhận góp ý, phản ánh của cộng đồng doanh nghiệp về hoạt động của cơ quan hải quan các cấp. Nhóm công tác hải quan – doanh nghiệp do Tổng cục thành lập, hoạt động theo quy chế và nguồn kinh phí của Tổng cục. Đối tác chính tham gia nhóm công tác là các hiệp hội doanh nghiệp.

6.4. Tổ tư vấn hải quan – doanh nghiệp

Tổ tư vấn được thành lập để cơ quan hải quan và doanh nghiệp thông tin, trao đổi ý kiến, tham vấn về các vấn đề quan tâm của mỗi bên phát sinh từ thực hiện hoạt động hàng ngày liên quan đến chính sách, pháp luật hải quan; thủ tục hải quan; liêm chính hải quan; tập quán thương mại, kinh doanh, sản xuất của doanh nghiệp; phương pháp quản lý; ứng dụng khoa học công nghệ.

Tổ tư vấn được thành lập như là một bộ phận mềm tại cấp Cục và Chi Cục Hải quan tỉnh/thành phố. Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh/thành phố quyết định việc thành lập tổ tư vấn theo quy định hiện hành, bố trí ngân sách

cho hoạt động của tổ, lựa chọn nhân sự tham gia tổ tư vấn, ưu tiên các công chức giỏi nghiệp vụ.

Tổ tư vấn sẽ tham gia quan hệ đối tác với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu và hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn nhằm thiết lập và duy trì cơ chế liên lạc, thông tin, trao đổi ý kiến, tham vấn giữa các bên tham gia đối tác.

II. Đối tác có điều kiện

1. Khái niệm

Quan hệ đối tác có điều kiện là việc cơ quan hải quan và doanh nghiệp cùng hợp tác theo các điều kiện và cam kết cụ thể xác định tại các chương trình đối tác có điều kiện nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong xuất nhập khẩu hàng hóa và đảm bảo an ninh thương mại, bảo vệ cộng đồng, bảo vệ nguồn thu thông qua việc khuyến khích doanh nghiệp chấp hành tốt quy định pháp luật và tham gia tích cực vào chuỗi an ninh cung ứng.

2. Đối tượng đối tác

Đối tượng thiết lập quan hệ đối tác có điều kiện là: doanh nghiệp xuất nhập khẩu; doanh nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu.

3. Nội dung đối tác

Quan hệ đối tác có điều kiện được thiết lập để khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và tài chính đối với nhà nước, hỗ trợ cơ quan hải quan nâng cao hiệu quả kiểm soát, bảo vệ cộng đồng, đảm bảo an ninh thương mại và chuỗi cung ứng.

4. Lợi ích chủ yếu

- Đối với cơ quan hải quan, việc thiết lập quan hệ đối tác có điều kiện với doanh nghiệp sẽ đem lại những lợi ích sau:

+ Cải thiện ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp; gia tăng số lượng doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật;

+ Giảm gánh nặng chi phí hành chính và tối ưu hóa nguồn lực cho các hoạt động kiểm tra, kiểm soát, giám sát;

+ Phòng ngừa và ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động phi pháp, đảm bảo an ninh, an toàn cho xã hội và cộng đồng, đảm bảo an ninh thương mại và chuỗi cung ứng;

+ Đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế và các khoản phải thu khác;

+ Tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, góp phần thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế.

- Đối với doanh nghiệp, việc trở thành đối tác có điều kiện với cơ quan hải quan sẽ đem lại những lợi ích sau:

+ Giảm chi phí do giảm đáng kể thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu;

+ Hưởng các chế độ ưu đãi về thủ tục hải quan khi được công nhận là doanh nghiệp đối tác tại các chương trình đối tác có điều kiện tương ứng;

+ Chủ động áp dụng các biện pháp an ninh; giảm thiểu các cuộc kiểm tra của cơ quan hải quan tại trụ sở doanh nghiệp;

+ Xây dựng uy tín và danh tiếng trên thị trường nhờ được công nhận là doanh nghiệp tin cậy, doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt pháp luật.

5. Điều kiện thực hiện đối tác

Để trở thành đối tác của cơ quan hải quan, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện và cam kết đặt ra trong các chương trình đối tác có điều kiện. Doanh nghiệp tự quyết định việc tham gia các chương trình đối tác có điều kiện nếu xét thấy có thể đáp ứng các điều kiện của chương trình và cân đối giữa lợi ích và chi phí khi tham gia chương trình.

Khi tham gia chương trình đối tác có điều kiện, doanh nghiệp sẽ phải ký văn bản cam kết với cơ quan hải quan. Hình thức và nội dung cam kết quy định tại từng chương trình đối tác cụ thể.

6. Hình thức thực hiện đối tác

Quan hệ đối tác có điều kiện được hình thành trên cơ sở các chương trình đối tác tin cậy xây dựng theo các chuẩn mực khuyến nghị tại Khung tiêu chuẩn về an ninh và tạo thuận lợi thương mại toàn cầu (SAFE) của Tổ chức hải quan thế giới (WCO).

Các chương trình đối tác có điều kiện sẽ do Tổng cục Hải quan quyết định trên cơ sở xem xét ý kiến tham mưu từ các Cục/Vụ nghiệp vụ chức năng thuộc và trực thuộc Tổng cục.

Để thực hiện các chương trình đối tác có điều kiện, Tổng cục Hải quan sẽ trình các cấp có thẩm quyền ban hành các quy định pháp lý liên quan hướng dẫn thực hiện với các quy định cụ thể về điều kiện và cam kết của mỗi bên tham gia chương trình đối tác có điều kiện.

Hiện nay, cơ quan hải quan đang triển khai chương trình doanh nghiệp ưu tiên, thực hiện chính thức từ năm 2013. Đây là một mô hình về chương trình đối tác tin cậy thực hiện theo khuyến nghị của WCO tại SAFE.

III. Thiết lập quan hệ đối tác

Để thiết lập quan hệ đối tác với doanh nghiệp, cơ quan hải quan các cấp thực hiện theo trình tự như sau:

1. Xác định nội dung đối tác

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn và tình hình thực tiễn, cơ quan hải quan các cấp định kỳ hàng năm chủ động xác định và lựa chọn nội dung đối tác phù hợp, xem xét tính hợp pháp cũng như lợi ích và tác động của vấn đề đến các bên liên quan, dự kiến nguồn lực, chi phí thực hiện, đánh giá các rủi ro phát sinh.

2. Lựa chọn loại, đối tượng và hình thức đối tác

Trên cơ sở nội dung đối tác dự kiến, cơ quan hải quan các cấp xác định loại đối tác, đối tượng đối tác và hình thức đối tác tương ứng như đã mô tả ở trên. Việc xác định cần cân nhắc vai trò, ảnh hưởng, lợi ích, năng lực thực hiện của đối tác đối với nội dung đối tác lựa chọn.

3. Làm việc với đối tác

3.1. Chuẩn bị tài liệu làm việc

Để việc trao đổi với đối tác có hiệu quả, cơ quan hải quan cần chuẩn bị trước tài liệu làm việc. Tài liệu chuẩn bị cần mô tả mục đích, nội dung đối tác, hình thức đối tác, lợi ích, chi phí, rủi ro phát sinh nếu có, hoạt động triển khai, kết quả đầu ra, nguồn lực huy động, vai trò và trách nhiệm của các bên, phương thức thực hiện. Tài liệu chuẩn bị phải được trình lên các cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận.

3.2. Thông tin đến đối tác

Cơ quan hải quan chủ trì chủ động thông tin đến các đối tác liên quan về ý định hợp tác, nội dung hợp tác. Lãnh đạo cơ quan ký công văn hoặc chỉ đạo đầu mối phía cơ quan hải quan gửi thư điện tử đến đối tác đề nghị tham gia đóng góp ý kiến xây dựng đề xuất hợp tác, gửi kèm tài liệu làm việc để đối tác nghiên cứu trước, và mời đối tác tham dự làm việc với cơ quan hải quan bàn về nội dung hợp tác giữa hai bên.

3.3. Tổ chức làm việc

Buổi làm việc giữa cơ quan hải quan và đối tác được tổ chức tại trụ sở cơ quan hải quan do lãnh đạo cơ quan chủ trì cùng với sự tham gia của nhóm chuẩn bị. Tại buổi làm việc, đại diện cơ quan hải quan sẽ trình bày đề xuất và tạo điều kiện để các đối tác tham gia góp ý, đề xuất sáng kiến thực hiện nội dung đối tác. Để buổi làm việc có hiệu quả, cơ quan hải quan chủ trì có thể mời các cơ quan hữu quan cùng tham dự đóng góp ý kiến.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến các bên, cơ quan hải quan hoàn chỉnh tài liệu đề xuất, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung liên quan. Hai bên sẽ tổ chức một hoặc một số buổi làm việc để đi đến thống nhất về đề xuất hợp tác.

3.4. Ký biên bản ghi nhớ

Trên cơ sở kết quả đạt được, cơ quan hải quan và các đối tác ký biên bản ghi nhớ nội dung đề xuất hợp tác để làm cơ sở cho cơ quan hải quan lập báo cáo trình các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

4. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi và trình phê duyệt

Cơ quan hải quan chủ trì chịu trách nhiệm lập báo cáo nghiên cứu khả thi để trình các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Báo cáo nghiên cứu khả thi được lập trên cơ sở tài liệu làm việc và biên bản ghi nhớ thống nhất giữa cơ quan hải quan và đối tác.

Riêng đối với đối tác có điều kiện, các bước tiếp theo thực hiện theo quy định tại chương trình đối tác có điều kiện sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan.

5. Ký văn bản thỏa thuận

Sau khi được các cấp có thẩm quyền chấp thuận đề xuất thiết lập quan hệ đối tác, cơ quan hải quan chủ trì tổ chức ký văn bản thỏa thuận với đối tác. Việc ký kết được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan với sự tham dự của đại diện lãnh đạo cơ quan, các đơn vị và cá nhân liên quan, đại diện của đối tác, đại diện của các cơ quan hữu quan. Lãnh đạo cơ quan theo ủy quyền của cấp trên ký văn bản thỏa thuận với đối tác.

6. Lập kế hoạch triển khai

Căn cứ vào văn bản thỏa thuận hợp tác, cơ quan hải quan và đối tác cùng phối hợp xây dựng kế hoạch triển khai. Kế hoạch cần nêu rõ nội dung công việc, trách nhiệm của các bên, nguồn lực huy động, chi phí, kết quả đầu ra, thời hạn thực hiện.

7. Chỉ định đầu mối điều phối

Để các hoạt động triển khai diễn ra thuận lợi, các bên tham gia đối tác cần chỉ định đầu mối liên lạc và điều phối của mỗi bên, thống nhất phương thức làm việc.

8. Đánh giá kết quả thực hiện

Định kỳ hàng tháng, quý, năm các bên tham gia đối tác tổ chức họp giao ban đánh giá tình hình, tiến độ, kết quả triển khai, xác định các vấn đề phát sinh để cùng tháo gỡ. Kết thúc họp giao ban, các bên lập báo cáo kết luận cuộc họp. Báo cáo được gửi lên lãnh đạo của các bên tham gia đối tác.

Trong trường hợp đột xuất, các bên có thể triệu tập họp để thảo luận, trao đổi về các vấn đề liên quan. Trong trường hợp đó, bên đề xuất phải thông báo trước cho bên kia bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác mà các bên đã thống nhất tại văn bản thỏa thuận.

9. Thông tin, tuyên truyền về hoạt động đối tác

Các bên tham gia đối tác có trách nhiệm phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền về hoạt động hợp tác đã ký kết nhằm tạo ra sự đồng thuận và ủng hộ từ các bên liên quan, từ các cấp chính quyền, và từ cộng đồng.

IV. Quản lý đối tác và hoạt động đối tác

1. Lập danh sách đối tác

Cơ quan hải quan chủ trì có trách nhiệm lập danh sách đối tác do đơn vị mình phụ trách và cập nhật danh sách và thông tin liên quan đến đối tác, thường xuyên thông tin cho các đơn vị chức năng phối hợp tham gia quản lý đối tác, định kỳ hàng năm báo cáo danh sách lên Tổng cục.

Danh sách đối tác bao gồm các thông tin cơ bản: (i) tên đối tác; (ii) địa chỉ liên hệ, bao gồm cả số điện thoại, email; (iii) đầu mối liên lạc; (iv) phân loại đối tác; (v) chương trình đối tác tham gia; (vi) hoạt động hợp tác; (vii) ghi chú khác (nhận xét, đánh giá,...).

2. Kiểm tra, giám sát và quản lý hoạt động đối tác

Cơ quan hải quan các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với hoạt động đối tác; tiến hành thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá kết quả thực hiện nội dung hợp tác, mức độ hài lòng của các bên tham gia đối tác, và hiệu quả của mô hình đối tác đã triển khai; thường xuyên trao đổi thông tin giữa các đơn vị, các cấp trong ngành về tình hình thực hiện và phát triển quan hệ đối tác tại đơn vị.

Trong phạm vi, quyền hạn của mình và theo phân công tại chương trình đối tác liên quan, cơ quan Hải quan các cấp có trách nhiệm áp dụng các hình thức và biện pháp quản lý phù hợp đối với các đối tác.

3. Chế độ và nội dung báo cáo

- Chế độ báo cáo: Báo cáo về công tác phát triển quan hệ đối tác được gửi cùng nội dung báo cáo về tình hình thực hiện công tác cải cách, phát triển và hiện đại hóa hải quan theo CV số 159/TCHQ-CCHĐH ngày 11/01/2012.

- Nội dung báo cáo: Thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

V. Phân công trách nhiệm

1. Tại cơ quan Tổng cục Hải quan

1.1. Ban Cải cách hiện đại hóa: tham mưu giúp Lãnh đạo Tổng cục tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, tổng kết, đánh giá việc áp dụng hướng dẫn này trong toàn ngành.

Đầu mối điều phối việc triển khai kế hoạch phát triển quan hệ đối tác theo từng giai đoạn của Tổng cục Hải quan. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên

quan thực hiện một số nhiệm vụ phát triển quan hệ đối tác theo phân công của Tổng cục Hải quan. Báo cáo việc thực hiện quan hệ đối tác theo yêu cầu của Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính.

1.2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm đề xuất các nội dung, hoạt động, chương trình phát triển quan hệ đối tác theo nghiệp vụ do đơn vị phụ trách; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện các chương trình đối tác theo phân công của Tổng cục Hải quan; phối hợp tuyên truyền về chương trình, kế hoạch phát triển quan hệ đối tác.

1.3. Vụ Tài vụ Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo ngân sách cho các hoạt động phát triển quan hệ đối tác theo kế hoạch hàng năm của Tổng cục Hải quan.

2. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố

2.1. Căn cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể của đơn vị, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh/ thành phố giao một đơn vị làm đầu mối chủ trì, có trách nhiệm tham mưu giúp lãnh đạo Cục thiết lập quan hệ đối tác với các bên liên quan, lập kế hoạch triển khai hàng năm của Cục Hải quan và tổ chức thực hiện; kiểm tra, đôn đốc, tổng kết, đánh giá công tác phát triển quan hệ đối tác trong phạm vi toàn Cục.

2.2. Các phòng, ban, đơn vị nghiệp vụ liên quan thuộc Cục chịu trách nhiệm đề xuất những nội dung phát triển quan hệ đối tác theo nghiệp vụ do đơn vị phụ trách; phân công, cử cán bộ, công chức đơn vị mình trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện công tác phát triển quan hệ đối tác khi được yêu cầu.

2.3. Căn cứ Kế hoạch phát triển quan hệ đối tác của Tổng cục Hải quan, nội dung quy định tại Hướng dẫn này, và căn cứ vào điều kiện quản lý của đơn vị, Cục trưởng Cục Hải quan quy định cụ thể trách nhiệm của Chi Cục Hải quan trong việc tổ chức phát triển quan hệ đối tác với các bên liên quan.

PHẦN C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm quán triệt Hướng dẫn này đến từng cán bộ, công chức của đơn vị và tổ chức thực hiện bằng chương trình, kế hoạch cụ thể hàng năm.

2. Ban Cải cách hiện đại hóa tham mưu giúp lãnh đạo Tổng cục chỉ đạo việc triển khai, hỗ trợ, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện Hướng dẫn này trong toàn Ngành; Kiểm tra, hướng dẫn doanh nghiệp cùng thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết hợp tác với cơ quan hải quan.

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Ban Cải cách hiện đại hóa) để chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn, xử lý./.

Phụ lục I - Mẫu Văn bản thỏa thuận áp dụng cho đối tác thường xuyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số……)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN HỢP TÁC

Giữa……, Tổng cục Hải quan và……

V/v ……

Căn cứ (1)……

Thực hiện chủ trương của Tổng cục Hải quan về phát triển quan hệ đối tác hải quan – doanh nghiệp tại Chiến lược phát triển Hải quan đến 2020,

Thực hiện Kế hoạch phát triển quan hệ đối tác (2)……,

Nhận thấy (3)……

Nhằm (4)……

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ...., chúng tôi gồm có:

BÊN A: (5) ……**- Tổng cục Hải quan**

Do Ông/Bà: ……

- Chức vụ:

Địa chỉ: ……

Điện thoại: ……

- Fax: ……

Tài khoản số: ……

Tại: ……

Mã số thuế: ……

BÊN B: (6) **CÔNG TY/ HIỆP HỘI** ……

Do Ông: ……

- Chức vụ:

Địa chỉ: ……

Điện thoại: ……

- Fax:

Tài khoản số: ……

Tại: ……

Hai bên cùng thống nhất ký Thỏa thuận hợp tác trong việc ……, bắt đầu thực hiện kể từ ngày ..... tháng ..... năm ....., bao gồm những điều, khoản sau (7):

Điều 1. Giải thích các thuật ngữ và khái niệm (nếu có)

Trong văn bản này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Điều 2: Nội dung hợp tác

Điều 3. Trách nhiệm của các bên

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Điều 6. Điều khoản chung

6.1. Bản thoản thuận này có hiệu lực từ ngày ký;

6.3. Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc nảy sinh, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, trao đổi, thống nhất giải quyết;

6.2. Thỏa thuận hợp tác này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản, 01 bản gửi Bộ Tài chính và 01 bản gửi Tổng cục Hải quan (nếu cấp Cục ký)/ Bộ chủ quản (nếu doanh nghiệp, hiệp hội thuộc Bộ).

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIÊP/ HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP	**ĐẠI DIỆN TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Ghi chú:

- (1) Trích dẫn các quy định pháp lý liên quan;
- (2) Trích dẫn Kế hoạch đã được Tổng cục/Bộ phê duyệt;
- (3) Vai trò, tầm quan trọng, lợi ích;
- (4) Mục đích thực hiện;
- (5) Tổng cục Hải quan hoặc Cục Hải quan tỉnh/thành phố.
- (6) Một doanh nghiệp/hiệp hội hoặc nhiều doanh nghiệp/hiệp hội.
- (7) Các điều, khoản thực hiện, có thể bổ sung tùy theo yêu cầu công việc.

Phụ lục II – Mẫu báo cáo *(Ban hành kèm theo Quyết định số……)*

BÁO CÁO
Về công tác phát triển quan hệ đối tác

STT	Mục đích (1)	Nội dung (2)	Đối tác (3)	Hình thức (4)	Đầu mối (5)	Kết quả (6)

- Hãy cho biết đơn vị có trao đổi, thảo luận với đối tác trước, trong, sau thực hiện hoạt động đối tác hay không? Nếu có thực hiện như thế nào?
- Hãy cho biết cơ sở thiết lập quan hệ đối tác là gì? Lý do lựa chọn đối tác?
- Đánh giá tác động từ kết quả thực hiện quan hệ đối tác và đưa ra kiến nghị liên quan.

Ghi chú:
- (1): *Mục đích thiết lập quan hệ đối tác tại đơn vị.*
- (2): *Nội dung đối tác.*
- (3): *Thông tin về đối tác: loại, đối tượng đối tác.*
- (4): *Thông tin về hình thức đối tác được lựa chọn.*
- (5): *Đầu mối được giao chủ trì và thực hiện hoạt động đối tác.*
- (6): *Kết quả thực hiện so với mục đích và nội dung đối tác đặt ra.*

Phụ lục III – Mẫu báo cáo *(Ban hành kèm theo Quyết định số……)*

BÁO CÁO
Về Kế hoạch triển khai quan hệ đối tác

STT	Hoạt động triển khai	Thời gian thực hiện	Nguồn lực huy động	Vướng mắc	Giải pháp

Ghi chú: *Căn cứ vào mục đích, nội dung đối tác, đơn vị chủ trì cụ thể hóa thành kế hoạch triển khai với các hoạt động, thời gian thực hiện cụ thể.*